

# 제주시 외국인 계절근로자 안내 사항

Nội dung hướng dẫn người lao động theo mùa nước ngoài ở Thành phố Jeju



제 주 시  
(농 정 과)

- ◆ 외국인 계절근로자가 최소한의 권리를 향유하면서 근로에 전념할 수 있는 환경을 조성하고 인권침해를 사전에 예방하기 위하여 고용주는 아래의 안내사항을 필수적으로 준수해야 함
- ◆ 근로기준법 등 관련 법령을 준수하고 인권침해 행위가 없어야 함

※ 필수 준수사항 위반 시  **외국인계절근로자 배정 금지, 관련법에 따라 처벌**

- ◆ Để tạo ra một môi trường trong đó người lao động thời vụ nước ngoài có thể tập trung vào công việc của họ trong khi được hưởng các quyền tối thiểu và ngăn chặn trước các hành vi vi phạm nhân quyền, người sử dụng lao động phải tuân thủ nghiêm ngặt các hướng dẫn dưới đây.
- ◆ Các luật liên quan, bao gồm Đạo luật Tiêu chuẩn Lao động, phải được tuân thủ và không được vi phạm nhân quyền.

※ **Trường hợp vi phạm các quy định bắt buộc phải tuân thủ**

 **Cấm sử dụng lao động thời vụ nước ngoài, có thể bị xử phạt theo luật liên quan**

## 1. 외국인 계절근로 운영 안내

Hướng dẫn vận hành lao động theo mùa cho người nước ngoài

- 체류기간 : 입국일로부터 5개월
  - 고용주 희망 시 1~3개월 체류연장 1회 가능
- 근로기간 : 근로를 시작한 날부터 종료한 날까지
  - 입국 후 배치 전 행정절차 기간은 근로일수 제외
- Thời gian lưu trú: 5 tháng kể từ ngày nhập cảnh
  - Nếu người sử dụng lao động mong muốn, thì có thể gian hạn thời gian lưu trú thêm 1~3 tháng.(gia hạn được 1 lần).
- Thời gian làm việc: Kể từ ngày bắt đầu công việc đến khi kết thúc công việc.
  - Thời gian làm thủ tục hành chính và trước khi được bố trí công việc, sau khi nhập cảnh sẽ không được tính vào số ngày làm việc.

## 2. 적절한 주거환경 제공 Cung cấp môi trường cư trú thích hợp

- **부적합** 숙소 : 비닐하우스, 컨테이너, 창고개조 숙소
- 필수시설 및 물품구비 ☞ **계절근로자가 최소한의 사생활을 침해받지 않고 생활 가능한 시설구비 필요**

냉난방 설비, 온수 나오는 샤워시설 / 숙소(침실, 화장실 포함) 내부 잠금장치 마련 / 취사도구, 침구류 / 소화기, 화재감지기

- 과도한 숙식비 징수 금지
  - 숙식비 징수하는 경우 ☞ **최대 월 통상임금의 20% 초과할 수 없음**
  - 표준근로계약서에 명시 ☞ 사후분쟁 방지 위해 계약서에 **비용부담 여부 및 부담액 작성**하고, **계절근로자에게 설명**

- Chỗ ở **không phù hợp**: Nhà kính, container, nhà kho
- Thiết bị và vật dụng thiết yếu ☞ **Người lao động thời vụ cần có cơ sở có thể sinh hoạt mà không bị xâm phạm đến quyền riêng tư.**

Thiết bị điều hòa-sưởi ấm, thiết bị tắm có nước nóng/ chỗ ở(bao gồm giường, nhà vệ sinh), có thiết bị khóa bên trong dụng cụ nấu ăn, đồ dùng trong phòng ngủ/ bình chữa cháy, máy phát hiện hỏa hoạn

- Cấm thu tiền ăn quá mức
  - Trường hợp thu tiền ăn chỗ ở ☞ **Tối đa không được vượt quá 20% tiền lương hàng tháng**
  - Trong hợp đồng lao động ghi rõ ☞ Để ngăn chặn tranh chấp sau này, trong hợp đồng **phải ghi rõ số tiền phải chi và giải thích cho người lao động mùa vụ**

### 【숙식비 징수 상한액 기준】

구 분	아파트, 단독주택, 연립·다세대 주택 또는 이에 준하는 주거시설
숙식 모두 제공시	월 임금의 <b>20%</b>
숙소만 제공시	월 임금의 <b>15%</b>

### 【Tiêu chuẩn chi phí tối đa cho nơi ăn chỗ ở】

Phân loại	Chung cư, nhà riêng, nhà liên kết-đa thể hệ hoặc các thiết bị nhà ở tương ứng
Khi cung cấp đủ chỗ ăn ở	<b>20%</b> tiền lương hàng tháng
Khi chỉ cung cấp chỗ ở	<b>15%</b> tiền lương hàng tháng

## 3. 근로내용 Nội dung lao động

- 작업장소 : 고용계약을 체결한 농가 ※ **다른 고용주의 작업장에서 근로 시 처벌대상** 「출입국관리법」 제21조(근무처 변경추가) 위반
- 작업금지 : 지게차 운전행위, 화물차 운전하여 출하·유통·판매 등 작업금지
  - ※ 고용주는 작업 시 필요한 **보호장비 제공 및 사전 안전교육** 실시 → 해당사항에 대해 **근로자에게 비용징수 금지**
- Nơi làm việc : Chủ tuyển dụng(nông gia) ký hợp đồng lao động ※ Vi phạm điều 21 của 「Luật quản lý xuất nhập cảnh」  
(Thay đổi-bổ sung làm việc) **đối tượng bị trừng phạt khi làm việc tại nơi của chủ tuyển dụng khác**
- Cấm làm việc : Hành vi lái xe kéo, cấm vận chuyển, lưu thông, bán hàng bằng xe chở hàng hóa
  - ※ Chủ tuyển dụng cung cấp thiết bị bảo hộ cần thiết khi làm việc và thực hiện giáo dục an toàn trước  
→ **Cấm thu chi phí của người lao động** đối với những hạng mục trên

#### 4. 근로계약 조기종료 대상 (근로자 귀책 사유가 있는 경우)

Đối tượng chấm dứt hợp đồng lao động sớm

(trong trường hợp có lý do thuộc về trách nhiệm của người lao động)

- 대한민국 법령을 위반한 경우 (범죄·불법체류자, 타 직업장 근무 적발 시)
  - ※ 근로자 무단이탈 시 불이익 조치 → 결혼이민자의 가족 계절근로 참여 제한
- 불성실 근무태도 계절근로자
  - 무단결근 및 업무 방해, 고용주의 정당한 업무지시 불이행 등
- 사회통념상 징계 또는 해고 사유에 해당하는 경우

##### 【근로자 귀책사유로 인한 제재】

❖ 계절근로자 본인의 귀책 사유로 근로계약이 해지된 경우 ⇒ 체류허가 취소 및 출국 명령 조치(출입국관리법 제89조)

- Trường hợp vi phạm pháp luật Hàn Quốc (tội phạm, cư trú bất hợp pháp, bị phát hiện làm việc tại nơi khác)
  - ※ pháp bất lợi được thực hiện khi người lao động rời nơi làm việc trái pháp luật
    - Hạn chế sự tham gia của gia đình người di dân kết hôn trong lao động mùa vụ
- Người lao động mùa vụ có thái độ làm việc không trung thực
  - Không đi làm không có lý do, cản trở công việc, không chấp hành sự hướng dẫn công việc hợp pháp của người sử dụng lao động, v.v.
- Trường hợp thuộc về lý do kỷ luật hoặc sa thải theo thông lệ xã hội

##### 【Chế tài do trách nhiệm của người lao động】

❖ Trong trường hợp hợp đồng lao động bị chấm dứt do trách nhiệm của chính người lao động mùa vụ  
⇒ Bị hủy bỏ giấy phép lưu trú và ra lệnh xuất cảnh (theo Điều 89 của Luật Quản lý Xuất nhập cảnh)

## 5. 임금지급 Trả lương

- 임금지급 : 월 210만원 이상(월급제, 209시간 근무기준) ※ 내국인과 동일한 **최저임금법** 적용
  - 10,030원('25년 최저시급)×8시간/1일×26일≒210만원 ※ 근로계약기간이 **'25년부터 → '25년 최저시급적용**
- 지급방법 : 월 1회이상, 통장입금 원칙

### 【 주의사항 】

- ❖ 계절근로자 명의 통장계좌 개설하여 근로계약서에 명시한 날짜에 정기적으로 직접 지급해야 함
- ❖ 근로자의 통장을 고용주(농가)가 보관하거나, 임금을 모아뒀다가 출국 시 일괄 지급하지 않음

- 연장 또는 야간(오후 10시~오전 6시) 근로 시 ☞ **최저임금 이상 지급**
  - 연장근로 수당은 당일 지급 (근로자와 협의 할 경우 변경 가능)

- Trả lương : Trên 210 triệu won/ tháng( tiêu chuẩn làm việc 209 giờ) ※ Áp dụng mức lương tối thiểu giống như người Hàn Quốc.
  - 10,030won(Lương tối thiểu năm 25)×8tiếng/1ngày×26ngày≒2,07Nghìn won ※ Thời hạn hợp đồng lao động **từ năm 25 → áp dụng mức lương tối thiểu năm 25**
- Phương thức thanh toán : Tháng 1 lần trở lên, nguyên tắc gửi tiền qua tài khoản

### 【 Những điều cần chú ý 】

- ❖ Phải mở tài khoản dưới tên người lao động thời vụ và thanh toán trực tiếp định kỳ vào ngày quy định trong hợp đồng lao động
  - ❖ Chủ tuyển dụng(nông gia) không được bảo quản tài khoản của người lao động, hoặc giữ lương đến lúc xuất cảnh mới thanh toán trọn gói(một lượt)
- Khi làm thêm giờ hoặc làm đêm(10 giờ tối~ 6giờ sáng) ☞ **Trả lương tối thiểu trở lên**
    - Làm thêm giờ thanh toán trong ngày (Trong trường hợp thỏa thuận với người lao động có thể thay đổi)

## 6. 휴게 및 휴일 Nghỉ ngơi và ngày nghỉ

### ※ 외국인 계절근로자의 최소한의 휴식권 보장

- 휴일보장 : 매 1개월마다 4일 이상의 휴일 보장   ※ 구체적인 일자는 고용주와 근로자가 합의하여 결정
- 휴게시간 : 매일 점심시간을 포함하여 1시간 이상의 휴게시간 부여

#### 【 주의사항 】

- ❖ 근로자와 협의하여 휴일에 근로하는 경우 ☞ 다른 날짜에 대체휴무 제공하거나 휴일근무에 대해 최저임금 이상 지급

### ※ Đảm bảo quyền nghỉ ngơi tối thiểu cho người lao động mùa vụ nước ngoài

- Đảm bảo ngày nghỉ : Đảm bảo mỗi tháng nghỉ 4 ngày trở lên   ※ Quyết định theo thỏa thuận của chủ tuyển dụng và người lao động
- Thời gian nghỉ ngơi : Mỗi ngày 1 tiếng trở lên bao gồm cả thời gian ăn trưa

#### 【 Những điều lưu ý 】

- ❖ Trường hợp đi làm trong ngày nghỉ theo thỏa thuận với người lao động ☞ Cho nghỉ thay vào ngày khác hoặc trả nhiều hơn mức lương tối thiểu cho ngày làm việc trong ngày nghỉ đó

## 7. 외국인 계절 근로자 준수 사항

(Hướng dẫn tuân thủ quy định đối với người lao động tạm thời nước ngoài)

### ○ 근로계약사항 준수

- 근무시간(8시간), 출퇴근 시간 등 지키기
- 근무태도 성실하게 참여하기
- 고용주 작업장 외의 장소, 농작업 외의 다른 업무 금지
- 출근부 작성하고 고용주의 확인 서명 받기

### ○ Tuân thủ các điều khoản trong hợp đồng lao động

- Thời gian làm việc(8 tiếng),tuân thủ thời gian làm việc.
- Tham gia làm việc bằng thái độ trung thực
- Nghiêm cấm làm công việc khác ngoài việc nông nghiệp trong nơi làm việc của chủ lao động.
- Viết sổ ghi chép chấm công, Chủ tuyển dụng(nông gia) kiểm tra và ký tên.

### ○ 영농작업 안전수칙 준수

- 장갑, 작업화, 모자 등 보호장비 착용하기
- 농기계 운행 시 사고발생 위험 주의할 것
- 여름철 폭염으로 인한 온열질환 예방수칙 준수

### ○ Tuân thủ các quy tắc an toàn cho công việc nông nghiệp.

- Trong quá trình làm nông nghiệp cần mang các thiết bị bảo hộ như: găng tay, giày(ủng) bảo hộ, mũ bảo hộ vv..
- Cần chú ý khi vận hành máy móc nông nghiệp vì có nguy cơ xảy ra tai nạn.
- Tuân thủ các quy tắc phòng ngừa bệnh nhiệt do nắng nóng vào mùa hè.



## 8. 외국인 등록 Đăng ký thẻ người nước ngoài

- 등록대상 : 계절근로 체류자격으로 입국한 외국인 ※ 90일 이상 체류자만 해당
- 등록기간 : 입국한 날로부터 90일 이내
- 등록장소 : 제주출입국외국인청 ※ 외국인 등록 시 고용주 동행
- 위반제재 : 외국인 미등록 시 100만원 이하의 범칙금 부과
- Đối tượng đăng ký: Người nước ngoài nhập cảnh vào Hàn Quốc với visa là lao động thời vụ ※ Chỉ những người lưu trú trên 90 ngày trở lên
- Thời gian đăng ký: Trong vòng 90 ngày từ ngày nhập cảnh
- Nơi đăng ký: Cục xuất nhập cảnh cho người nước ngoài JeJu ※ Khi đi đăng ký chủ tuyển dụng cùng đồng hành
- Xử phạt vi phạm : Phạt từ 1 triệu won trở xuống nếu người nước ngoài không đăng ký

### 【 외국인 등록 시 필요서류 】

1. 통합신청서, 여권, 사진 1매(35mm×45mm), 수수료(근로자 부담)
2. 근로계약서, 거주/숙소 제공확인서, 여행자보험증서
3. 산재보험 자격취득자 명부 또는 농·어업인 안전보험 가입 증권

#### 《 산재보험 자격취득자 명부 발급 방법 》

- 근로복지공단(팩스 0505-871-3100)으로 제증명발급신청서(산재보험 자격취득자 명부) 및 고용주 신분증 제출

### 【 Các giấy tờ cần thiết để đăng ký thẻ người nước ngoài 】

1. Đơn đăng ký, hộ chiếu, 1 tấm ảnh(35mm×45mm), lệ phí(người lao động trả)
2. Hợp đồng lao động, giấy xác nhận cung cấp nơi ăn ở, giấy chứng nhận bảo hiểm người du lịch
3. Giấy chứng nhận người đã đăng ký bảo hiểm tai nạn lao động hoặc chứng khoán gia nhập an toàn lao động của nông-ngư nghiệp

#### 《 Cách nhận cấp giấy chứng nhận người đã đăng ký bảo hiểm tai nạn lao động 》

- Gửi mẫu đơn xin cấp giấy chứng nhận(giấy chứng nhận người đã gia nhập bảo hiểm tai nạn lao động và chứng minh thư của chủ tuyển dụng(fax 0505-871-3100)

#### 4. 마약검사 확인서(근로자 부담)

##### 《 마약검사 병원(법무부장관 지정 의료기관) 》

- 제주대병원, 한라병원, 한국병원, 한마음병원, 에스중앙병원, 건강100세의원, 중앙병원, 한수폴의원

##### 《 마약검사 시 주의사항 》

- E-9 또는 E-10 비자 소지자가 받는 마약검사로 받을 것
- 방문 전 일주일간 약물섭취 금지 및 당일 금식, 사진 지참하여 방문 (병원방문 이전에 필요사항 문의 후 방문)

#### 4. Giấy xác nhận xét nghiệm ma túy(người lao động chi trả)

##### 《 Bệnh viện kiểm tra ma túy(cơ quan y tế do Bộ trưởng Bộ Tư Pháp chỉ định) 》

- Bệnh viện đại học Quốc gia JeJu, bệnh viện Halla, bệnh viện Hankook, bệnh viện Hanmaeum, bệnh viện S-Joongang, Phòng khám sức khỏe 100 tuổi, bệnh viện Joongang, phòng khám Hall-soo-ful

##### 《 Những điều chú ý khi kiểm tra ma túy 》

- Kiểm tra ma túy cho người có visa E-9 hoặc E-10
- Cấm uống thuốc trong 1 tuần trước khi kiểm tra và cấm thực trong ngày kiểm tra, khi đi mang thẻ ảnh (Trước khi đến bệnh viện hãy hỏi những điều cần thiết rồi hãy đến )

## 9. 보험 가입(고용주 부담) Tham gia bảo hiểm(Chủ lao động chi trả)

○ 보험 가입의무 : 외국인 계절근로자에 대한 산재보험 또는 농어업인안전보험 가입의무(중도해지 금지)

### 【 산재보험 가입 】 ※ 가입문의 : 근로복지공단 ☎1588-0075

- (가입신청) ①산재보험 가입신청서 + ②산재보험 근로자 자격취득신고서 + ③고용주(농가) 신분증사본 ➡ 근로복지공단 팩스 신청(0505-871-3100)
- (근로기간 종료후 상실신고) ①산재보험 근로자 자격상실신고서 + ②고용주(농가) 신분증사본 ➡ 근로복지공단 팩스 신청(0505-871-3100)

### 【 농어업인안전보험 가입 】

- 농어업인안전보험 가입 약약서 → 출입국·외국인청에 제출 → 외국인등록증 또는 외국인등록사실증명서 지참 → 지역농협에서 가입

○ Nghĩa vụ tham gia bảo hiểm : Bảo hiểm tai nạn lao động đối với người nước ngoài lao động thời vụ hoặc nghĩa vụ tham gia bảo hiểm an toàn nông-ngư nghiệp(Cấm hủy bỏ giữa chừng)

### 【 Tham gia bảo hiểm tai nạn lao động 】 ※ Tư vấn : Tổng công ty phúc lợi lao động ☎1588-0075

- (Đăng ký gia nhập) ①Giấy xin đăng ký bảo hiểm tai nạn lao động+ ②Giấy khai nhận đã đăng ký bảo hiểm tai nạn lao động+ ③Bản sao chứng minh thư của chủ lao động(nông gia) ➡ Gửi đơn đăng ký vào số fax của tổng công ty phúc lợi lao động(0505-871-3100)
- (Khai báo mất tư cách sau khi hết thời hạn) ①Giấy khai báo mất tư cách mua bảo hiểm tai nạn lao động cho người lao động + ②Bản sao chứng minh thư của chủ lao động(nông gia) ➡ Gửi đơn đăng ký vào số fax của tổng công ty phúc lợi lao động(0505-871-3100)

### 【 Tham gia bảo hiểm an toàn cho người nông-ngư nghiệp 】

- Cam kết tham gia bảo hiểm an toàn cho nông- ngư nghiệp → Nộp lên cục nười nước ngoài xuất nhập cảnh → Mang theo thẻ người nước ngoài hoặc giấy xác nhận đăng ký người nước ngoài → Tham gia hiệp hội nông nghiệp địa phương

## 10. 근로자 신상변동(무단이탈, 입·출국) 시 신고의무

Nghĩa vụ khai báo khi thay đổi tư cách của người lao động (bỏ trốn, xuất·nhập cảnh)

- 신고의무 : 계절근로자 무단이탈 시 고용주는 무단이탈 발생 시로부터 15일 이내 신고
- 신고처 : 지자체(제주시청 농정과) 및 관할 출입국관서 ※ 위반 시 고용주 200만원 이하 과태료
- 근로자 중도 귀국 시 ☞ 제주시청 농정과 주무관(☎ 728-3344)에게 사전 고지 필수

- Nghĩa vụ khai báo : Khi người lao động thời vụ bỏ trốn trong vòng 15 ngày kể từ ngày bỏ trốn chủ lao động phải khai báo
- Nơi khai báo : Chính quyền địa phương (phòng hành chính nông nghiệp thành phố) và cơ quan xuất nhập cảnh ※ Khi vi phạm chủ lao động sẽ bị phạt tiền từ 2 triệu won trở xuống
- Khi người lao động về nước giữa chừng ☞ Cần phải thông báo trước cho phòng hành chính nông nghiệp của thành phố(☎ 728-3344)

## 11. 인격적 대우 đối xử nhân cách

- 경어사용 및 신체접촉 주의 ☞ 친근감의 표시로 반말 하거나 신체적 접촉 등 하는 경우 의도와 다르게 외국인 근로자는 기분이 언짢거나 성희롱 등으로 오해할 수 있으니 항상 주의
- 근로자의 여권, 외국인등록증, 임금통장을 고용주 또는 제3자 보관 금지
- Chú ý sử dụng kính ngữ và khi tiếp xúc cơ thể ☞ Thường xuyên phải chú ý vì nói chuyện tùy tiện hoặc tiếp xúc cơ thể như một biểu hiện của sự thân thiện, thì người lao động có thể cảm thấy khó chịu hoặc hiểu lầm đó là hành vi quấy rối tình dục
- Cấm chủ lao động hoặc người thứ ba giữ hộ chiếu, thẻ chứng minh người nước ngoài, sổ lương của người lao động

## 12. 체류기간 연장 Gia hạn thời gian lưu trú

- 연장기간 : 최대 3개월 ※ 고용주와 근로자 상호 협의 시 연장가능
- 연장신청 : 계절근로자 체류 **기간만료 60일전 ~ 기간만료 30일전** 신청가능 (예) '25.9.30 만료자 → '25.7.1. ~ 8.31
- 신청장소 : 제주시청 농정과 또는 출입국외국인청

### 【 신청기간에 연장신청 하는 경우 】

- (농정과 제출서류) ①체류기간 연장 추천신청서, ②외국인 여권 및 외국인등록증 사본, ③거주/숙소 제공확인서, ④연장 갱신한 근로계약서, ⑤산재보험 또는 농어업인 안전보험가입 입증서류 등

### 【 신청기간이 지난 경우 】

- (농정과 제출서류) ①체류기간 연장 추천신청서, ②외국인 여권 및 외국인등록증 사본, ③산재보험 또는 농어업인 안전보험가입 입증서류
- (출입국외국인청 제출서류) ①체류기간 연장 추천신청서, ②외국인 여권 및 외국인등록증 사본, ③거주/숙소 제공확인서, ④연장 갱신한 근로계약서, ⑤산재보험 또는 농어업인 안전보험가입 입증서류 등

- Thời gian gia hạn : Tối đa 3 tháng ※ Có thể gia hạn khi chủ lao động và người lao động thỏa thuận
- Đơn xin gia hạn : Có thể đăng ký khi thời gian lưu trú của người lao động thời vụ còn từ 60~30 ngày. VD: Hết hạn ngày 30.09.24 thì 01.07~31.08 có thể đi gia hạn
- Địa điểm đăng ký : Phòng hành chính nông nghiệp JeJu hoặc cục người nước ngoài xuất nhập cảnh JeJu

### 【 Trường hợp gia hạn trong thời gian đăng ký 】

- (Nộp giấy tờ lên sở hành chính nông nghiệp) ①Đơn xin gia hạn thời gian lưu trú, ②Bản sao thẻ đăng ký người nước ngoài và hộ chiếu, ③Giấy xác nhận cung cấp nơi ăn/ chỗ ở, ④Hợp đồng lao động gia hạn, ⑤bảo hiểm tai nạn lao động hoặc giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm an toàn cho nông-ngư nghiệp

### 【 Trường hợp quá thời hạn đăng ký 】

- (Nộp giấy tờ lên sở hành chính nông nghiệp) ①Đơn xin gia hạn thời gian lưu trú, ②Bản sao thẻ đăng ký người nước ngoài và hộ chiếu, ③bảo hiểm tai nạn lao động hoặc giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm an toàn cho nông-ngư nghiệp
- (Giấy tờ nộp lên cục người nước ngoài xuất nhập cảnh) ①Đơn xin gia hạn thời gian lưu trú, ②Bản sao thẻ đăng ký người nước ngoài và hộ chiếu, ③Giấy xác nhận cung cấp nơi ăn/ chỗ ở, ④Hợp đồng lao động gia hạn, ⑤bảo hiểm tai nạn lao động hoặc giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm an toàn cho nông-ngư nghiệp

### 13. 한국생활 문화 및 근무요령 안내

(Hướng dẫn về văn hóa sinh hoạt và quy tắc làm việc tại Hàn Quốc)

#### □ 한국생활 문화

- ☞ 한국에서는 예의바른 의사소통, 상호존중, 타인에 대한 배려가 익숙합니다.
- ☞ 우리 지역은 대부분 어른들이 많으니 기본예절을 지켜주세요.
- ☞ “안녕하세요”, “감사합니다”, “수고했어요” 등의 인사를 자주하세요.
- ☞ 한국은 금연구역이 많으며, 노인과 고용주 앞에서는 가급적 흡연 하지 마세요.
- ☞ 숙소를 자주 청소하고, 쓰레기(음식물, 재활용) 분리수거를 해주세요.
- ☞ 한국사람들은 성격이 급하고 빠릅니다. 고용주가 일을 지시할 때 목소리가 크고 빨라서 화난것처럼 보이더라도 오해하지 마세요.

#### □ Văn hóa sinh hoạt tại Hàn Quốc

- ☞ Ở Hàn Quốc, giao tiếp lịch sự, tôn trọng lẫn nhau và quan tâm đến người khác là điều quen thuộc.
- ☞ Khu vực của chúng ta có nhiều người lớn tuổi nên hãy giữ gìn lễ phép cơ bản.
- ☞ Hãy thường xuyên chào hỏi như “Xin chào”, “Cảm ơn”, “Bạn đã vất vả rồi”.
- ☞ Ở Hàn Quốc có nhiều khu vực cấm hút thuốc, hãy cố gắng không hút thuốc trước mặt người già và chủ lao động.
- ☞ Thường xuyên dọn dẹp chỗ ở và phân loại rác (rác thực phẩm, tái chế).
- ☞ Người Hàn Quốc thường có tính cách vội vàng và nhanh nhẹn. Khi chủ lao động chỉ đạo công việc, giọng nói to và nhanh có thể khiến bạn cảm thấy như họ đang tức giận, nhưng đừng hiểu lầm.



## □ 근로자 근무요령

- ☞ 고용주의 정당한 작업지시에 성실히 따르고, 동료와 잘 지내도록 합니다.
- ☞ 고용주의 작업지시, 간단한 단어·인사말 등 한국어를 배우려고 노력합니다.
- ☞ 근무시간에는 가급적 핸드폰 사용을 자제합니다.
- ☞ 숙소를 나갈때는 조명, 보일러, 가스 등을 꼭 끄고, 절약하는 습관을 갖도록 합니다.
- ☞ 업무에 지장을 주는 과도한 음주, 도박을 하지 않도록 합니다.
- ☞ 가족이나 친구를 만나러 외출·외박할 때는 고용주에게 사전에 알리도록 합니다.
- ☞ 고용주에게 정당한 임금 이외의 팁이나 계약종료 후 재계약 추천을 강요하지 않도록 합니다.

## □ Quy tắc làm việc của người lao động

- ☞ Hãy tuân thủ chỉ thị công việc hợp pháp của chủ lao động một cách nghiêm túc và hòa đồng với đồng nghiệp.
- ☞ Cố gắng học tiếng Hàn để hiểu chỉ thị công việc của chủ lao động, các từ đơn giản và lời chào.
- ☞ Trong giờ làm việc, vui lòng hạn chế sử dụng điện thoại di động.
- ☞ Khi rời khỏi chỗ ở, hãy chắc chắn tắt đèn, lò sưởi, ga, và có thói quen tiết kiệm.
- ☞ Không uống rượu quá mức hoặc đánh bạc gây ảnh hưởng đến công việc.
- ☞ Khi ra ngoài hoặc qua đêm để gặp gỡ gia đình hoặc bạn bè, hãy thông báo trước cho chủ lao động.
- ☞ Đừng yêu cầu tiền boa hoặc đề nghị tái ký hợp đồng sau khi hợp đồng kết thúc ngoài mức lương hợp pháp từ chủ lao động.

【 기관 연락처 】

담당 업무	담당기관 및 연락처
체류기간 연장신청, 근로자 중도 귀국 신고	농정과 유통지원팀 ☎728-3344
무단이탈 신고	농정과 유통지원팀 ☎728-3344 제주출입국외국인청 ☎741-5400
외국인 등록	제주출입국외국인청 ☎741-5400
고충상담	외국인근로자지원센터(베트남어) ☎1522-3134

담당 업무	담당기관 및 연락처
농어업인안전보험 가입	지역농협
산재보험 가입	근로복지공단 ☎1588-0075 * 팩스 ☎0505-871-3100
마약검사	법무부 지정 의료기관 8개소 (5번 '외국인등록' 내용참조)
계절근로자 통장개설	제주시청출장소 농협 또는 지역농협

【 Số điện thoại của các cơ quan】

Phụ trách công việc	Cơ quan phụ trách và số liên lạc
Xin gia hạn thời gian lưu trú, Khai báo người lao động về nước giữa chừng	Tổ hỗ trợ phân phối của phòng hành chính nông nghiệp ☎728-3344
Khai báo bỏ trốn	Tổ hỗ trợ phân phối của phòng hành chính nông nghiệp ☎728-3344 Cục người nước ngoài xuất nhập cảnh JeJu ☎741-5400
Đăng ký người nước ngoài	Cục người nước ngoài xuất nhập cảnh JeJu ☎741-5400
Tư vấn	Trung tâm hỗ trợ người nước ngoài (Tiếng Việt) ☎1522-3134

Phụ trách công việc	Cơ quan phụ trách và số liên lạc
Tham gia bảo hiểm an toàn cho nông-ngư nghiệp	Nông nghiệp địa phương
Tham gia bảo hiểm tai nạn lao động	Tổng công ty phúc lợi lao động ☎1588-0075 * fax ☎0505-871-3100
Kiểm tra ma túy	8 cơ quan y tế do bộ Tư pháp chỉ định (Tham khảo nội dung số 5 'đăng ký người nước ngoài' )
Mở tài khoản cho người lao động thời vụ	Chi nhánh Nonghyup trong tòa thị chính JeJu hoặc Nonghyup địa phương